

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 130/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Chung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồ Ngọc Kim C, sinh năm 1993;  
Hộ khẩu thường trú: Số A đường Lạc Long Q, phường Phú C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Trung H, sinh năm 1990;  
Hộ khẩu thường trú: Số E, tổ F, khu phố G, phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2022 và quá trình giải quyết, bà Nguyễn Hồ Ngọc Kim C là nguyên đơn trình bày: Bà C và ông Bùi Trung H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú C, thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 26/10/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa chỉ số E, tổ F, khu phố G, phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, bà C và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H

ham chơi, không lo cho gia đình, vợ con, mọi việc trong gia đình do một mình bà C gánh vác. Ông H còn thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà C, dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc. Do không thể tiếp tục sống chung với ông H nên từ năm 2020 bà C đã đưa cháu A về nhà cha mẹ ruột sinh sống, còn cháu K vẫn sống cùng với ông H. Nay bà C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể nào tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Trung H. Về con chung, ông bà có 02 con chung là cháu Bùi Trọng K, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Bùi Trọng A, sinh ngày 18/6/2016. Khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Trọng A, ông H sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Trọng K. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Bùi Trung H tại nơi cư trú. Tuy nhiên, ông H không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Ngày 27/10/2022, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồ Ngọc Kim C đối với bị đơn ông Bùi Trung H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ngày 27/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Hồ Ngọc Kim C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Bùi Trung H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân

sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồ Ngọc Kim C và ông Bùi Trung H tự nguyện kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số 02/2011 ngày 26/10/2011 của Ủy ban nhân dân phường Phú C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa bà Nguyễn Hồ Ngọc Kim C và ông Bùi Trung H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Bà C đã nhiều lần cho ông H cơ hội với mong muốn ông H sẽ sửa đổi, vợ chồng cùng nhau làm ăn nuôi dạy con cái, nhưng ông H vẫn không thay đổi. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không quan tâm đến nhau. Bà C xác định mâu thuẫn giữa bà và ông H đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Vì vậy, bà C vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông H. Về phía bị đơn ông Bùi Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông H không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà C và ông H đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hồ Ngọc Kim C đối với ông Bùi Trung H là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà C và ông H có 02 con chung là cháu Bùi Trọng K, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Bùi Trọng A, sinh ngày 18/6/2016. Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.

[3.1] Xét thấy, bà C và ông H có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, cháu A đang sống ổn định với bà C. Hơn nữa, cháu A còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của người mẹ.

[3.2] Đối với cháu K, qua xác minh tại địa phương xác định cháu K sống với ông H từ khi bà C và ông H không còn sống chung với nhau. Đồng thời, quá trình làm việc, cháu K trình bày cháu K đang sống ổn định với ông H, do ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu K có nguyện vọng được sống với cha ruột tên Bùi Trung H trường hợp cha mẹ ly hôn.

[3.3] Do vậy, việc giao cháu Bùi Trọng A, sinh ngày 18/6/2016 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu Bùi Trọng K, sinh ngày 16/3/2012 cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà C, ông H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải

quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 227, 228, 235, 238, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồ Ngọc Kim C đối với bị đơn ông Bùi Trung H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồ Ngọc Kim C được ly hôn với ông Bùi Trung H.

- Về con chung:

+ Giao con chung là cháu Bùi Trọng A, sinh ngày 18/6/2016 cho bà Nguyễn Hồ Ngọc Kim C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

+ Giao con chung là cháu Bùi Trọng K, sinh ngày 16/3/2012 cho ông Bùi Trung H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồ Ngọc Kim C phải nộp 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2021 - 0000144 ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường Phú C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Chung**